

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN Ở TỈNH QUẢNG NGÃI

Mục tiêu

Sau khi học xong chủ đề này, học sinh sẽ:

- Biết được tình hình phát triển các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của tỉnh Quảng Ngãi.
- Trình bày được tình hình phát triển và phân bố các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của tỉnh Quảng Ngãi.
- Có ý thức, thái độ và trách nhiệm đúng đắn đối với việc phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản sạch của tỉnh nhà.



MỞ ĐẦU

Khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản có ý nghĩa lớn đối với sự phát triển kinh tế của tỉnh Quảng Ngãi. Việc đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong giai đoạn hiện nay đòi hỏi phải phát huy các thế mạnh sẵn có của tỉnh, trong đó có thế mạnh về nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản. Vậy, tình hình phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tỉnh Quảng Ngãi như thế nào?



KIẾN THỨC MỚI

1. Khái quát tình hình phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tỉnh Quảng Ngãi

Nông, lâm nghiệp và thủy sản là ngành sản xuất vật chất có những đóng góp quan trọng trong nền kinh tế tỉnh Quảng Ngãi.

Năm 2020, ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 18,94% trong cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (GRDP). Tỷ trọng nông nghiệp chiếm 51,9%,

lâm nghiệp chiếm 7,6%, thủy sản chiếm 40,5%. Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 16 640 tỉ đồng. So với năm 2019, tăng trưởng giá trị sản xuất toàn ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,0%; trong đó nông nghiệp đạt 8 636,16 tỉ đồng (tăng 0,66%), lâm nghiệp đạt 1 264,64 tỉ đồng (giảm 2,2%) và thủy sản đạt 6739,20 tỉ đồng (tăng 7,26%). Tỷ trọng chăn nuôi chiếm 45% trong nội bộ ngành nông nghiệp.

((Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Quảng Ngãi, năm 2020)



Trình bày khái quát tình hình phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tỉnh Quảng Ngãi.

2. Tình hình phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tỉnh Quảng Ngãi

2.1 Tìm hiểu tình hình phát triển và phân bố ngành nông nghiệp

a) Ngành trồng trọt

Năm 2020, tỉ trọng ngành trồng trọt chiếm khoảng 55% trong nội bộ ngành nông nghiệp của tỉnh. Diện tích gieo trồng cây có hạt đạt 181 158 ha. Trong đó, chú trọng phát triển các nhóm cây trồng theo lợi thế cạnh tranh, nhóm cây nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến, nhóm cây đặc sản.

Hoạt động trồng trọt phát triển ở hầu hết các địa phương trong tỉnh. Mỗi cây trồng có đặc điểm sinh thái khác nhau, thế mạnh của các địa phương cũng không giống nhau nên sự phân bố, phát triển các nông sản khác nhau ở các địa phương trong tỉnh.

Bảng 5.1. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ CÂY TRỒNG CHÍNH CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI

Tiêu chí Cây trồng	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	Phân bố
Cây lúa	71 000	60	426 000	Các huyện: Mộ Đức, Tư Nghĩa, Bình Sơn, Sơn Tịnh, Nghĩa Hành; thị xã Đức Phổ; thành phố Quảng Ngãi
Cây ngô	12 000	58	69 600	Các huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Mộ Đức; thành phố Quảng Ngãi
Cây rau	16 000	180	288 000	Thành phố Quảng Ngãi; thị xã Đức Phổ và các huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh, Nghĩa Hành, Tư Nghĩa, Mộ Đức

Tiêu chí Cây trồng	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	Phân bố
Cây đậu phộng (lạc)	7 000	30	21 000	Các huyện: Bình Sơn, Mộ Đức, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Ba Tơ, Nghĩa Hành, Sơn Hà, Trà Bồng; thị xã Đức Phổ
Cây mè	18 000	250	450 000	Các huyện: Sơn Hà, Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Ba Tơ, Minh Long, Trà Bồng; thị xã Đức Phổ
Cây mía	5 200	650	338 000	Các huyện: Mộ Đức, Nghĩa Hành, Tư Nghĩa, Ba Tơ, Sơn Hà; thị xã Đức Phổ
Cây tỏi	300	109	32 700	Huyện Lý Sơn
Cây hành	250	150	37 500	
Cây quế	5 255	1 700 ⁽¹⁾	2 890	Các huyện: Trà Bồng, Sơn Tây
Cây cau	2 000	160 ⁽²⁾	24 000	Các huyện: Sơn Tây, Sơn Hà, Nghĩa Hành,...

(Số liệu theo Niên giám thống kê tỉnh Quảng Ngãi, năm 2020)



Cây lúa



Cây ngô

(1): Năng suất trung bình cây quế độ tuổi khai thác

(2): Năng suất trung bình cây cau độ tuổi thu hoạch



Cây mì



Cây mía



Cây tỏi



Cây quế

Hình 5.1. Một số cây trồng chính của tỉnh Quảng Ngãi



Dựa vào thông tin ở mục 2.1a và bảng 5.1, hãy trình bày tình hình phát triển và phân bố một số cây trồng chính của tỉnh Quảng Ngãi.

b) Ngành chăn nuôi

Năm 2020, tỉ trọng ngành chăn nuôi chiếm 45% trong nội bộ ngành nông nghiệp của tỉnh. Trong những năm qua, tỉnh chú trọng phát triển chăn nuôi bò thịt ở đồng bằng, chăn nuôi trâu theo hướng lấy thịt ở miền núi, phát triển đàn lợn hướng nạc và chăn nuôi gia cầm theo hướng an toàn sinh học. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 80 932 tấn. Ưu tiên phát triển chăn nuôi ở quy mô trang trại, gia trại; hạn chế chăn nuôi nhỏ lẻ ở nông hộ, gắn với đảm bảo vệ sinh môi trường.

Chăn nuôi bò thịt phát triển ở các huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh, Mộ Đức, Nghĩa Hành, Tư Nghĩa, Sơn Hà, Ba Tơ, Trà Bồng, Minh Long và thị xã Đức Phổ.

Phát triển đàn trâu ở các huyện miền núi: Ba Tơ, Sơn Hà, Minh Long và một số huyện đồng bằng: Nghĩa Hành, Mộ Đức, Sơn Tịnh và thị xã Đức Phổ.

Chăn nuôi lợn nhiều ở các huyện: Mộ Đức, Tư Nghĩa, Bình Sơn, Nghĩa Hành, Sơn Tịnh,...

Gia cầm được nuôi ở hầu hết các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh.



Nuôi lợn



Nuôi gà

Hình 5.2. Chăn nuôi một số gia súc và gia cầm



Dựa vào thông tin ở mục 2.1b, hãy:

- Nhận xét về đặc điểm phát triển ngành chăn nuôi ở tỉnh Quảng Ngãi.
- Kể tên các địa phương trong tỉnh nuôi nhiều trâu, bò, lợn và gia cầm. Giải thích nguyên nhân.

2.2. Tình hình phát triển và phân bố ngành lâm nghiệp

a) Hoạt động trồng rừng

Hoạt động trồng rừng bao gồm trồng rừng tập trung và phân tán. Trồng rừng chủ yếu ở các huyện miền núi; những năm qua diện tích rừng trồng tăng khá nhanh, bao gồm trồng rừng phòng hộ, rừng sản xuất. Năm 2020, diện tích rừng trồng tập trung đạt 24 515 ha, tỉ lệ độ che phủ rừng đạt 52%.

Ngoài ra, tỉnh Quảng Ngãi còn chú trọng trồng rừng ngập mặn và rừng phi lao ở vùng ven bờ biển.



Hình 5.3. Ươm cây giống trồng rừng



Hình 5.4. Trồng rừng ngập mặn



Dựa vào thông tin ở mục 2.2a, hãy cho biết tình hình hoạt động trồng rừng ở tỉnh Quảng Ngãi.

b) Hoạt động khai thác, chế biến gỗ và lâm sản

Sản lượng gỗ khai thác tăng nhanh qua các năm. Năm 2020, sản lượng gỗ đạt khoảng 1 871 000 m³, trong đó tỉ trọng gỗ rừng trồng chiếm khoảng 99,7%. Ngoài ra, còn khai thác tre, nứa, song mây, nhựa thông, quế, mật ong và các đặc sản khác.

Chế biến gỗ và lâm sản: Sản phẩm chủ yếu là gỗ tròn, gỗ ván, đồ gỗ, bột giấy,... phục vụ cho nhu cầu nội địa và xuất khẩu. Nhà máy chế biến gỗ và lâm sản phân bố hầu khắp các địa phương trong tỉnh.

Các nhà máy chế biến dăm xuất khẩu trong Khu kinh tế Dung Quất là những nhà máy có công suất lớn hiện nay.



Hình 5.5. Chế biến gỗ và lâm sản



Dựa vào thông tin ở mục 2.2b, hãy cho biết tình hình khai thác, chế biến gỗ và lâm sản ở tỉnh Quảng Ngãi.

2.3. Tình hình phát triển và phân bố ngành thủy sản

Năm 2020, kinh tế thủy sản tỉnh Quảng Ngãi có sự thay đổi trên cả ba lĩnh vực: khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản.

a) Khai thác thủy sản

Năm 2020, toàn tỉnh Quảng Ngãi có 5 290 tàu cá với tổng công suất 1 854 986 CV. Phát triển khai thác thủy sản theo hướng tăng khai thác xa bờ, giảm khai thác ven bờ.

Phát triển đội tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ, phát triển đội tàu cá vỏ thép và vỏ vật liệu mới. Nhờ vậy mà sản lượng khai thác tăng qua các năm. Tuy nhiên, so với năm 2019, năm 2020 ngành thủy sản giá trị sản xuất giảm 2,2%.

Công tác bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản đã được đẩy mạnh, nhận thức của người dân ngày càng được nâng cao.



Hình 5.6. Khai thác thủy sản

Bảng 5.2. SẢN LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ SẢN XUẤT THỦY SẢN CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI, NĂM 2010 VÀ NĂM 2020

Sản lượng và giá trị sản xuất \ Năm	2010	2020
Sản lượng (nghìn tấn)	111,1	268,9
– Khai thác	104,2	261,0
– Nuôi trồng	6,9	7,9
Giá trị sản xuất (tỷ đồng)	3 219,4	6 739,2
– Khai thác	2 795,0	6 182,7
– Nuôi trồng	424,4	556,5

(Niên giám thống kê tỉnh Quảng Ngãi, năm 2010 và năm 2020)

b) Nuôi trồng thủy sản

Năm 2020, diện tích ao hồ thả nuôi của tỉnh Quảng Ngãi là 1 557 ha; sản lượng thu hoạch đạt 7,9 nghìn tấn; mang lại giá trị hơn 556,5 tỉ đồng.

Nuôi thủy sản nước ngọt được duy trì và phát triển với phương thức nuôi đa dạng trên các loại hình mặt nước như ao hồ nhỏ, nuôi lồng trên hồ chứa, nuôi đăng quảng trên mặt nước lớn; đối tượng nuôi chủ yếu là cá. Phát triển nhất ở các huyện: Tư Nghĩa, Bình Sơn; thị xã Đức Phổ và thành phố Quảng Ngãi.

Nuôi thủy sản nước lợ với đối tượng nuôi chính là tôm, ốc hương. Nuôi thủy sản nước mặn ở huyện Lý Sơn khá phát triển, nhiều đối tượng nuôi mới như: tôm hùm, cá bớp, hàu Thái Bình Dương, ốc hương, hải sâm,...



Hình 5.7. Lồng bè nuôi tôm hùm xuất khẩu ở vùng biển gần bờ huyện Lý Sơn



Dựa vào thông tin ở mục 2.3 và bảng 5.2, hãy trình bày tình hình phát triển, phân bố ngành khai thác và nuôi trồng thủy sản của tỉnh Quảng Ngãi.



LUYỆN TẬP

Cho bảng số liệu sau:

Bảng 5.3. GIÁ TRỊ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI, NĂM 2010 VÀ NĂM 2020

(Đơn vị: tỉ đồng)

Ngành \ Năm	2010	2020
Nông nghiệp	5 412,3	8 636,16
Lâm nghiệp	431,9	1 264,64
Thủy sản	3 219,4	6 739,20

(Niên giám thống kê tỉnh Quảng Ngãi, năm 2010 và năm 2020)

1. Vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của tỉnh Quảng Ngãi, năm 2010 và năm 2020.
2. Nhận xét sự thay đổi cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của tỉnh Quảng Ngãi, năm 2010 và năm 2020.



Thu thập thông tin, hình ảnh về hoạt động nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản nổi bật ở một địa phương của tỉnh Quảng Ngãi mà em biết.